

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2026
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hải M, sinh năm 1973 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 137/36 A, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Kim Ph, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trần Hải M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27-02-2019, Ông M và bà Trần Kim Ph có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh) đúng quy định pháp luật theo giấy chứng nhận kết hôn

số 37, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã H, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Dù đã cố gắng tìm cách khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Nên ông M và bà Ph đã bắt đầu sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông M đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 13 giải quyết cho ông M được ly hôn với bà Trần Kim Ph.

- Về con chung: Ông M xác nhận ông M và bà Trần Kim Ph không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Kim Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh, bà Ph hộ khẩu thường trú tại Tổ 5, ấp T, xã H, Thành Phố Hồ Chí Minh, hiện nay bà Ph vẫn sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M đối với bà Ph. Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông M xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn đối với bà Ph được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13-Thành Phố Hồ Chí Minh, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà Ph tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo ông M thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cuối 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Dù đã cố gắng tìm cách khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Nên ông M, bà Ph đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, không thể hàn gắn tình cảm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông M xin ly hôn với bà Ph. Quá trình tố tụng bà Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà Ph cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, bà Ph không có thiện chí hàn gắn tình cảm, ông M kiên quyết xin ly hôn cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của ông M là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông M là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- 1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hải M được ly hôn với bà Trần Kim Ph.
2. Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Hải M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037644 ngày 13-11-2025 của Thi hành án dân sự Thành Phố Hồ Chí Minh.
5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
6. “Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 13;
- THA dân sự TP.HCM;
- Phòng THA dân sự khu vực 13;
- Lưu hồ sơ vụ án..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trường Mạnh

